

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Ngô Thị T, sinh ngày 23/10/1996; Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở tại: thôn T, xã D, huyện Đ, Hà Nội và anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/11/1986; cư trú tại: thôn T, xã D, huyện Đ, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn ngày 05/4/2016 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, giấy chứng nhận kết hôn số 39 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 8/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị T, anh T1 đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh T1 là hoàn toàn tự nguyện không bị ai gò ép hay ép buộc gì cả nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T, anh T1 đều xác định là không có con chung nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị T, anh T1 thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn

1.2. Về con chung: Chị T, anh T1 đều xác định là không có con chung nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ phải chịu nhưng được trừ vào 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015410 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T, anh T1 đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng

